TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VT** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **350**/2023/QĐST-HNGĐ	*VT, ngày 19 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 353/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/8/2023, về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1981;

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Đức T2**, sinh năm 1983;

Đều ĐKHKTT: Tổ 22, phố H, phường B, TP.VT, tỉnh P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Vũ Xuân T3**, sinh năm 1977 và vợ là chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979;

Nơi ĐKHKTT: Tổ 22, phố H, phường B, TP.VT, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 60, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2023, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Vũ Đức T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Hai bên thỏa thuận như sau:

- Anh Vũ Đức Toàn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 02 con chung là cháu Vũ Nam K1, sinh ngày 07/01/2010 và cháu Vũ Minh K2, sinh ngày 09/01/2014;

- Chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung với mức là: 1.250.000 đồng/1 tháng/1 con, 02 con là 2.500.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 12/2023, cho đến khi các con thành niên và có khả năng lao động; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Anh T2 cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đối với chị T1.

* Về tài sản chung và công sức: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Vũ Đức T2 không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về công nợ: Chị Nguyễn Thị T1, anh Vũ Đức T2 và vợ chồng anh Vũ Xuân T3, chị Nguyễn Thị H thỏa thuận như sau:

Chị Nguyễn Thị T1 và anh Vũ Đức T2 có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh Vũ Xuân T3, chị Nguyễn Thị H số tiền vay gốc là: 75.000.000 đồng, *(Bảy mươi lăm triệu đồng)* và không phải trả lãi vì anh T3, chị H không yêu cầu; kỷ phần như sau:

- Chị Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh Vũ Xuân T3, chị Nguyễn Thị H số tiền là: 27.000.000 đồng, *(Hai mươi bảy triệu đồng)*.

- Anh Vũ Đức T2 có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh Vũ Xuân T3, chị Nguyễn Thị H số tiền là: 48.000.000 đồng, *(Bốn mươi tám triệu đồng)*.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

* Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị T1 xin nhận nộp tất cả số tiền 150.000 đồng, *(Một trăm năm mươi nghìn đồng),* tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng: Chị T1 xin nhận nộp tất cả số tiền 150.000 đồng, *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- Án phí dân sự đối với người thứ ba:

+ Chị T1 xin nhận nộp tất cả số tiền 675.000 đồng, *(Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng),* tiền án phí dân sự có giá ngạch.

+ Anh T2 xin nhận nộp tất cả số tiền 1.200.000 đồng, *(Một triệu hai trăm nghìn đồng),* tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Xác nhận chị Nguyễn Thị T1 đã nộp 300.000 đồng, *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí; theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004306 ngày 22/8/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. "Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành *án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*/.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Việt Trì;
- Chi cục THADS TP.Việt Trì;
- UBND xã Cổ Lũng, H.Phú Lương, T.Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

THẨM PHÁN

Lê Anh Tuấn